

Số: 544/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 05 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách các xã/huyện đăng ký đạt chuẩn
Nông thôn mới/Nông thôn mới nâng cao/Nông thôn mới kiểu mẫu năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn Nông thôn mới; Địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT - Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 19/TTr-VPĐP ngày 26/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách các xã/huyện đăng ký đạt chuẩn Nông thôn mới/Nông thôn mới nâng cao/Nông thôn mới kiểu mẫu năm 2021, như sau:

1. Huyện đạt chuẩn Nông thôn mới: Huyện Quỳnh Lưu.
2. Xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu: Xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn.
3. Xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao: 23 xã thuộc 11 huyện, thành phố, thị xã (có danh sách kèm theo).
4. Xã đạt chuẩn Nông thôn mới: 17 xã thuộc 9 huyện (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao các Sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phân công tại Quyết định số 6076/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện lồng ghép các Chương



trình, Đề án, Dự án triển khai trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã; các xã đăng ký đạt chuẩn Nông thôn mới/Nông thôn mới nâng cao/Nông thôn mới kiểu mẫu năm 2021; Hướng dẫn, chỉ đạo, hỗ trợ các địa phương thực hiện đạt chuẩn các nội dung, tiêu chí Nông thôn mới/Nông thôn mới nâng cao/Nông thôn mới kiểu mẫu trong năm 2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng ngành cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐ Chương trình NTM TW (để b/c);
- Văn phòng Điều phối NTM TW (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (M).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nghĩa Hiếu

DANH SÁCH CÁC XÃ ĐĂNG KÝ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Huyện	Xã	Các tiêu chí đã đạt	Các tiêu chí chưa đạt
1	Diễn Châu	Diễn Bích	1,4,5,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17	2,3,18,19
		Diễn Vạn	1,4,5,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,19	2,3,18
2	Thanh Chương	Cát Văn	1,3,4,5,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,18,19	2,6,17
		Xuân Trường	1,3,4,5,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,18,19	2,6,17
		Võ Liệt	1,3,4,5,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,18,19	2,6,17
3	Đô Lương	Hồng Sơn	1,5,7,8,9,10,11,12,13,14,15,17,18,19	2,3,4,6,16
		Đại Sơn	1,3,4,5,7,8,9,10,11,12,13,14,17,19	2,6,15,16,18
		Giang Sơn Tây	1,3,4,5,8,9,10,11,12,13,14,15,16,19	2,6,7,17,18
4	Quỳnh Lưu	Quỳnh Thanh	1,2,3,4,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17	5,6,18,19
		Quỳnh Lâm	1,3,4,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18	2,5,6,19
5	Hung Nguyên	Hung Yên Nam	1,2,3,4,7,8,9,10,11,12,13,14,17,18,19	5,6,15,16
6	Tân Kỳ	Nghĩa Dũng	1,3,4,5,8,9,10,11,12,13,14,15,16,19	2,6,7,17,18
7	Nghĩa Đàn	Nghĩa Thịnh	1,3,4,5,8,9,11,12,13,14,15,16,17,18,19	2,6,7,10
		Nghĩa Lợi	1,3,4,5,7,8,9,11,12,13,14,15,16,18,19	2,6,10,17
8	Anh Sơn	Cao Sơn	1,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,18,19	2,3,7
		Thành Sơn	1,4,5,6,7,8,9,10,11,12,14,15,16,19	2,3,13,17,18
9	Quỳ Châu	Châu Bính	1,2,3,4,5,6,7,8,12,13,14,15,16,17,19	9,10,11,18
Tổng	9	17		

ML



DANH SÁCH CÁC XÃ ĐĂNG KÝ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Huyện	Xã	Các tiêu chí đã đạt	Các tiêu chí chưa đạt
1	Diễn Châu	Diễn Lâm	1,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,14,15	2,13
		Diễn Kỷ	1,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,14,15	2,13
2	Thanh Chương	Thanh Lĩnh	1,2,3,4,5,6,7,8,10,11,12,14,15	9,13
		Thanh Liên	2,3,5,6,7,8,9,11,12,13,14,15	1,4,10
3	Đô Lương	Yên Sơn	1,2,3,4,5,6,7,8,10,11,12,14,15	9,13
		Đặng Sơn	1,3,4,5,6,8,12,14,15	7,9,10,11,13
4	Hung Nguyên	Hung Tân	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15	
		Hung Phúc	3,4,5,6,7,8,10,11,12,13,14,15	1,2,9
5	Tân Kỳ	Nghĩa Đồng	2,3,4,5,6,7,8,10,12,14	1,9,11,13,15
6	TP Vinh	Nghi Liên	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14	15
		Hung Đông	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14	15
7	Quỳnh Lưu	Quỳnh Hậu	2,3,4,5,6,7,8,10,11,12,14	1,9,13,15
		Quỳnh Lương	2,3,4,5,6,7,8,11,12,14	1,9,10,13,15
8	Anh Sơn	Hùng Sơn	3,4,5,6,7,8,9,11,12,14,15	1,2,10,13
9	Yên Thành	Sơn Thành	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15	
		Long Thành	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15	
		Tân Thành	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15	
10	Nam Đàn	Nam Cát	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15	
		Nam Anh	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15	
		Nam Giang	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15	
		Nam Nghĩa	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15	
11	TX Thái Hoà	Nghĩa Thuận	1,2,4,6,8,10,11,14,15	3,5,7,12,13
		Tây Hiếu	1,2,3,4,6,8,10,11,14,15	5,7,9,12,13
Tổng	11	23		